

Số: 151/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấm thi kết thúc môn học (Lần thi thứ nhất) Học kỳ I năm học 2015-2016
Bậc đào tạo: Cao đẳng nghề 2015

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 1465/QĐ-LTT ngày 11 tháng 9 năm 2015 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trong dạy nghề hệ chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo - Giới thiệu việc làm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấm thi kết thúc môn học (Lần thi thứ nhất) Học kỳ I năm học 2015-2016 của sinh viên Cao đẳng nghề – Khóa 2015 gồm: 35 sinh viên (danh sách đính kèm).

Điều 2. Sinh viên bị cấm thi kết thúc môn học nào thì phải nhận điểm “0” của môn học đó để tính điểm môn học và phải đăng ký học lại để trả nợ môn học. Riêng những sinh viên được tham gia học bổ sung khối lượng học tập còn thiếu sau khi đáp ứng đủ điều kiện dự thi thì được dự thi 1 lần vào lần thi thứ hai.

Điều 3. Các phòng, khoa và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.TS-ĐT-GTVL.



Dinh Văn Dê

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN CẤM THI KẾT THÚC MÔN HỌC (LẦN THỨ NHẤT)
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2015 - 2016

Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG NGHỀ - KHÓA 2015

(Kèm theo Quyết định số: 151/QĐ-LTT-ĐT ngày 26 tháng 02 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Lý do cấm		%	Ghi chú
				Điểm TB < 5.0	Số tiết vắng		
1	Nguyễn Hải Anh	15CDN-Ô	Giáo dục thể chất		28 / 30	93.33	
			Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
			Vật liệu học	0.0	20 / 30	66.67	
			Chính trị		84 / 90	93.33	
			Cơ ứng dụng		45 / 45	100.00	
			Tin học		75 / 75	100.00	
2	Đinh Văn Việt Anh	15CDN-Ô	Vật liệu học	0.0	16 / 30	53.33	
			Cơ ứng dụng		45 / 45	100.00	
			Giáo dục thể chất		28 / 30	93.33	
			Chính trị		84 / 90	93.33	
			Tin học		75 / 75	100.00	
			Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
3	Phạm Vũ Bảo	15CDN-Ô	Vật liệu học	0.0	18 / 30	60.00	
			Cơ ứng dụng		45 / 45	100.00	
			Giáo dục thể chất		28 / 30	93.33	
			Chính trị		84 / 90	93.33	
			Tin học		75 / 75	100.00	
			Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
4	Nguyễn Cảnh	15CDN-Ô	Vật liệu học	0.0	8 / 30	26.67	
			Cơ ứng dụng	1,7	9 / 45	20.00	
			Giáo dục thể chất		12 / 30	40.00	
			Chính trị		48 / 90	53.33	
			Điện kỹ thuật	2	14 / 30	46.67	
5	Trần Minh Chung	15CDN-Ô	Vật liệu học	0.0	8 / 30	26.67	
			Cơ ứng dụng	3,5	15 / 45	33.33	
			Giáo dục thể chất		14 / 30	46.67	
			Chính trị		30 / 90	33.33	
			Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
6	Lê Hồng Nhật Đông	15CDN-Ô	Vật liệu học	0.0	18 / 30	60.00	
			Cơ ứng dụng		30 / 45	66.67	
			Giáo dục thể chất		26 / 30	86.67	

TT	Họ và tên		Lớp	Học phần bị cấm thi	Lý do cấm		%	Ghi chú
					Điểm TB < 5.0	Số tiết vắng		
6	Lê Hồng Nhật	Đông	15CDN-Ô	Chính trị		84 / 90	93.33	
				Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
7	Trần Thanh	Được	15CDN-Ô	Vật liệu học	3.5	12 / 30	40.00	
				Cơ ứng dụng		18 / 45	40.00	
				Giáo dục thể chất		10 / 30	33.33	
				Chính trị		60 / 90	66.67	
				Điện kỹ thuật	2	16 / 30	53.33	
8	Huỳnh Khang	Duy	15CDN-Ô	Vật liệu học	0.0	14 / 30	46.67	
				Cơ ứng dụng		39 / 45	86.67	
				Giáo dục thể chất		22 / 30	73.33	
				Chính trị		66 / 90	73.33	
				Tin học		75 / 75	100.00	
				Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
9	Ngô Minh	Hiếu	15CDN-Ô	Vật liệu học	0.0	14 / 30	46.67	
				Cơ ứng dụng		36 / 45	80.00	
				Giáo dục thể chất		18 / 30	60.00	
				Chính trị		42 / 90	46.67	
				Tin học		75 / 75	100.00	
				Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
10	Tôn Thất	Khôi	15CDN-Ô	Vật liệu học	0.0	18 / 30	60.00	
				Cơ ứng dụng		45 / 45	100.00	
				Giáo dục thể chất		20 / 30	66.67	
				Chính trị		84 / 90	93.33	
				Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
11	Trần Tuấn	Kiệt	15CDN-Ô	Vật liệu học	0.0	18 / 30	60.00	
				Cơ ứng dụng		36 / 45	80.00	
				Giáo dục thể chất		26 / 30	86.67	
				Chính trị		72 / 90	80.00	
				Tin học		50 / 75	66.67	
12	Lê Tấn	Kiệt	15CDN-Ô	Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
				Giáo dục thể chất		14 / 30	46.67	
13	Diệp Tấn	Lộc	15CDN-Ô	Giáo dục thể chất		28 / 30	93.33	
				Chính trị		78 / 90	86.67	
				Tin học		75 / 75	100.00	
14	Nguyễn Quang	Minh	15CDN-Ô	Cơ ứng dụng	2,0	18 / 45	40.00	
				Giáo dục thể chất		14 / 30	46.67	
15	Lê Phương	Nam	15CDN-Ô	Vật liệu học	3.0	10 / 30	33.33	
				Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
				Giáo dục thể chất		14 / 30	46.67	

TT	Họ và tên		Lớp	Học phần bị cấm thi	Lý do cấm		%	Ghi chú
					Điểm TB < 5.0	Số tiết vắng		
15	Lê Phương	Nam	15CĐN-Ô	Cơ ứng dụng	0,7	12 / 45	26.67	
				Chính trị		48 / 90	53.33	
16	Nguyễn Hoàng	Nam	15CĐN-Ô	Vật liệu học	0.0	18 / 30	60.00	
				Giáo dục thể chất		28 / 30	93.33	
				Tin học		75 / 75	100.00	
				Điện kỹ thuật	2	14 / 30	46.67	
				Cơ ứng dụng		27 / 45	60.00	
17	Nguyễn Cao Trung	Nguyễn	15CĐN-Ô	Vật liệu học		14 / 30	46.67	
				Tin học		50 / 75	66.67	
				Điện kỹ thuật		16 / 30	53.33	
18	Vũ Bi	Pháp	15CĐN-Ô	Vật liệu học	0.0	18 / 30	60.00	
				Cơ ứng dụng		42 / 45	93.33	
				Giáo dục thể chất		28 / 30	93.33	
				Chính trị		84 / 90	93.33	
				Tin học		75 / 75	100.00	
				Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
19	Nguyễn Duy	Phước	15CĐN-Ô	Vật liệu học	0.0	12 / 30	40.00	
				Cơ ứng dụng		30 / 45	66.67	
				Giáo dục thể chất		14 / 30	46.67	
				Chính trị		72 / 90	80.00	
				Tin học		75 / 75	100.00	
				Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
20	Dương Thanh	Son	15CĐN-Ô	Vật liệu học	0.0	14 / 30	46.67	
				Cơ ứng dụng		27 / 45	60.00	
				Chính trị		72 / 90	80.00	
				Tin học		75 / 75	100.00	
				Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
21	Nguyễn Tấn	Tài	15CĐN-Ô	Cơ ứng dụng		39 / 45	86.67	
				Tin học		55 / 75	73.33	
				Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
22	Nguyễn Chí	Tâm	15CĐN-Ô	Vật liệu học		16 / 30	53.33	
				Cơ ứng dụng		36 / 45	80.00	
				Giáo dục thể chất		14 / 30	46.67	
				Chính trị		66 / 90	73.33	
				Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
23	Đoàn Duy	Tân	15CĐN-Ô	Cơ ứng dụng	1,5	15 / 45	33.33	
				Điện kỹ thuật	2	14 / 30	46.67	
24	Lê An	Thái	15CĐN-Ô	Vật liệu học		10 / 30	33.33	
				Cơ ứng dụng	2,0	3 / 45	6.67	

TT	Họ và tên		Lớp	Học phần bị cấm thi	Lý do cấm		%	Ghi chú
					Điểm TB < 5.0	Số tiết vắng		
24	Lê An	Thái	15CĐN-Ô	Giáo dục thể chất		12 / 30	40.00	
				Điện kỹ thuật	2	14 / 30	46.67	
25	Nguyễn Minh	Thông	15CĐN-Ô	Vật liệu học		14 / 30	46.67	
				Cơ ứng dụng		45 / 45	100.00	
				Chính trị		84 / 90	93.33	
				Tin học		45 / 75	60.00	
				Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
26	Đỗ	Thuận	15CĐN-Ô	Vật liệu học		18 / 30	60.00	
				Cơ ứng dụng		45 / 45	100.00	
				Giáo dục thể chất		28 / 30	93.33	
				Chính trị		84 / 90	93.33	
				Tin học		75 / 75	100.00	
				Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
27	Nguyễn Quốc	Trung	15CĐN-Ô	Vật liệu học		12 / 30	40.00	
				Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
				Cơ ứng dụng		39 / 45	86.67	
28	Nguyễn Thanh	Tú	15CĐN-Ô	Cơ ứng dụng		27 / 45	60.00	
				Giáo dục thể chất		14 / 30	46.67	
				Chính trị		36 / 90	40.00	
				Điện kỹ thuật		20 / 30	66.67	
29	Huỳnh Thanh	Tùng	15CĐN-Ô	Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
30	Phạm Phan Quốc	Việt	15CĐN-Ô	Vật liệu học		10 / 30	33.33	
				Cơ ứng dụng		27 / 45	60.00	
				Giáo dục thể chất		24 / 30	80.00	
				Chính trị		54 / 90	60.00	
				Tin học		60 / 75	80.00	
				Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
31	Nguyễn Hữu Việt	Vinh	15CĐN-Ô	Vật liệu học		18 / 30	60.00	
				Cơ ứng dụng		45 / 45	100.00	
				Giáo dục thể chất		24 / 30	80.00	
				Chính trị		66 / 90	73.33	
				Tin học		60 / 75	80.00	
				Điện kỹ thuật		30 / 30	100.00	
32	Nguyễn Hồ Tuyết	Nhi	15CĐ-QTD	Quản trị học	4	30 / 45	66.67	
				Tâm lý kinh doanh	2,5	27 / 45	60.00	
				Anh văn 1		32 / 60	53.33	
				Kinh tế TM và DV		36 / 45	80.00	
				Toán cao cấp	4	33 / 45	73.33	
				Chính trị		60 / 90	66.67	
				Giáo dục thể chất		20 / 30	66.67	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Lý do cấm		%	Ghi chú
				Điểm TB < 5.0	Số tiết vắng		
33	Nguyễn Trường Giang	15CĐ-QTD	Quản trị học		45 / 45	100.00	
			Tâm lý kinh doanh		45 / 45	100.00	
			Anh văn 1		60 / 60	100.00	
			Kinh tế TM và DV		45 / 45	100.00	
			Toán cao cấp	0	36 / 45	80.00	
			Chính trị		90 / 90	100.00	
			Giáo dục thể chất		26 / 30	86.67	
34	Trần Thị Diệu Trinh	15CĐ-QTD	Quản trị học		36 / 45	80.00	
			Tâm lý kinh doanh		30 / 45	66.67	
			Anh văn 1		40 / 60	66.67	
			Kinh tế TM và DV		30 / 45	66.67	
			Toán cao cấp		39 / 45	86.67	
			Tin học		50 / 75	66.67	
			Chính trị	3,3	42 / 90	46.67	
			Giáo dục thể chất		22 / 30	73.33	
35	Nguyễn Khánh Hải Vân	15CĐ-QTD	Quản trị học	4,3	27 / 45	60.00	
			Tâm lý kinh doanh	3,0	24 / 45	53.33	
			Anh văn 1		28 / 60	46.67	
			Kinh tế TM và DV		24 / 45	53.33	
			Toán cao cấp		33 / 45	73.33	
			Chính trị	4,0	48 / 90	53.33	
			Giáo dục thể chất		18 / 30	60.00	

Tổng cộng danh sách có 35 sinh viên